| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TỪ SƠN**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

*Từ Sơn, ngày 30 tháng 01 năm 2023*

Số: 10/2023/QĐST-DS

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17/01/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 14/2019/TLST-DS ngày 05/3/2019.

## XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Anh Lưu Quang T, sinh năm 1992

Anh Lưu Quang Tú A, sinh 1995.

HKTT: khu phố Đ, phường C, Tp Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị H- sinh năm 1984; địa chỉ: số 170 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/02/2019 tại Văn phòng công chứng Hoàng Tình, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Lưu Quang B, sinh năm 1972

Bà Trần Thị Th, sinh 1973

HKTT: khu phố Đ, phường C,Tp Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố T

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Hùng C-Phó chi cục trưởng- chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn theo giấy ủy quyền số 1210/UQ-CCTHADS ngày 30/12/2022 của bà Nguyễn Hoài P- Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thành phố T

- Anh Lưu Quang Q, sinh 2001

- Bà Trần Thị M, sinh 1970; ông Trần Văn Đ, sinh 1967
  Ông Đ ủy quyền cho bà M đại diện
- Bà Trần Thị H, sinh 1975
- Bà Phạm Thị V, sinh 1974
- Bà Phạm Thị H sinh 1971; ông Trần Văn Th sinh 1971
  Ông Th ủy quyền cho bà H đại diện
- Bà Trần Thị X sinh 1971; ông Trần Công Đ sinh 1967;
  Ông Đ ủy quyền cho bà X đại diện
- Bà Trần Thị Đ sinh 1979
- Ông Trần Đức L sinh 1970; bà Trần Thị L sinh 1972
  Ông L ủy quyền cho bà L đại diện
  Cùng HKTT: khu phố Đ, phường C, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Xác nhận thửa đất số 241, tờ bản đồ 18 (nay là thửa đất số 134, tờ bản đồ 46, diện tích 46,8 $m^2$) tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB954506, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H03593 do UBND huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/01/2006 mang tên hộ ông Lưu Quang B và bà Trần Thị Th là tài sản chung của ông Lưu Quang B, bà Trần Thị Th, anh Lưu Quang Tú A, anh Lưu Quang T và anh Lưu Quang Q; thửa đất này có giá trị 1.450.800.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng); mỗi người được hưởng 1/5 giá trị thửa đất.

Tài sản trên thửa đất này là 01 nhà trần 2 tầng xây năm 1998 có trị giá 117.865.800đ là của ông Lưu Quang B, bà Trần Thị Th.

Anh Tú A có nghĩa vụ trích trả ông B, bà Th phần giá trị ông B, bà Th được hưởng trong khối tài sản nhà đất trên là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), hạn thanh toán đến ngày 31/01/2023 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T để ông B, bà Th thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho vợ chồng bà Trần Thị M, vợ chồng bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V, bà Trần Thị H, vợ chồng bà Trần Thị X, bà Trần Thị Đ; vợ chồng bà Trần Thị L theo các quyết định thi hành án số 43, 44, 45, 46,47, 48,49 ngày 10/4/2013 của Chi cục thi hành án thị xã T (nay là thành phố T). Sau khi anh Tú A nộp đủ số tiền 700.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thì Chi cục thi hành án dân sự thành phố T giải tỏa quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với thửa đất thửa đất số 241, tờ bản đồ 18 tại Đa Hội, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh cùng tài sản gắn liền với đất.

Anh Tú A được quản lý, sử dụng thửa đất số 241, tờ bản đồ 18, diện tích 43 $m^2$ (nay là thửa đất số 134, tờ bản đồ 46, diện tích 46,8$m^2$) tại Đa Hội, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh và được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất .

Anh Tú A có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Án phí: Anh Tú A, anh T phải chịu 29.530.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T, anh Tú A đã nộp 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002046 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và mục 4, 5 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***
- Các đương sự;
- VKSND TP Từ Sơn,
- Chi cục THA dân sự TP Từ Sơn;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Ngô Thị Hoàn**